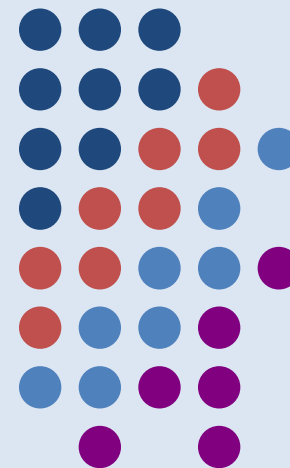


# Cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam

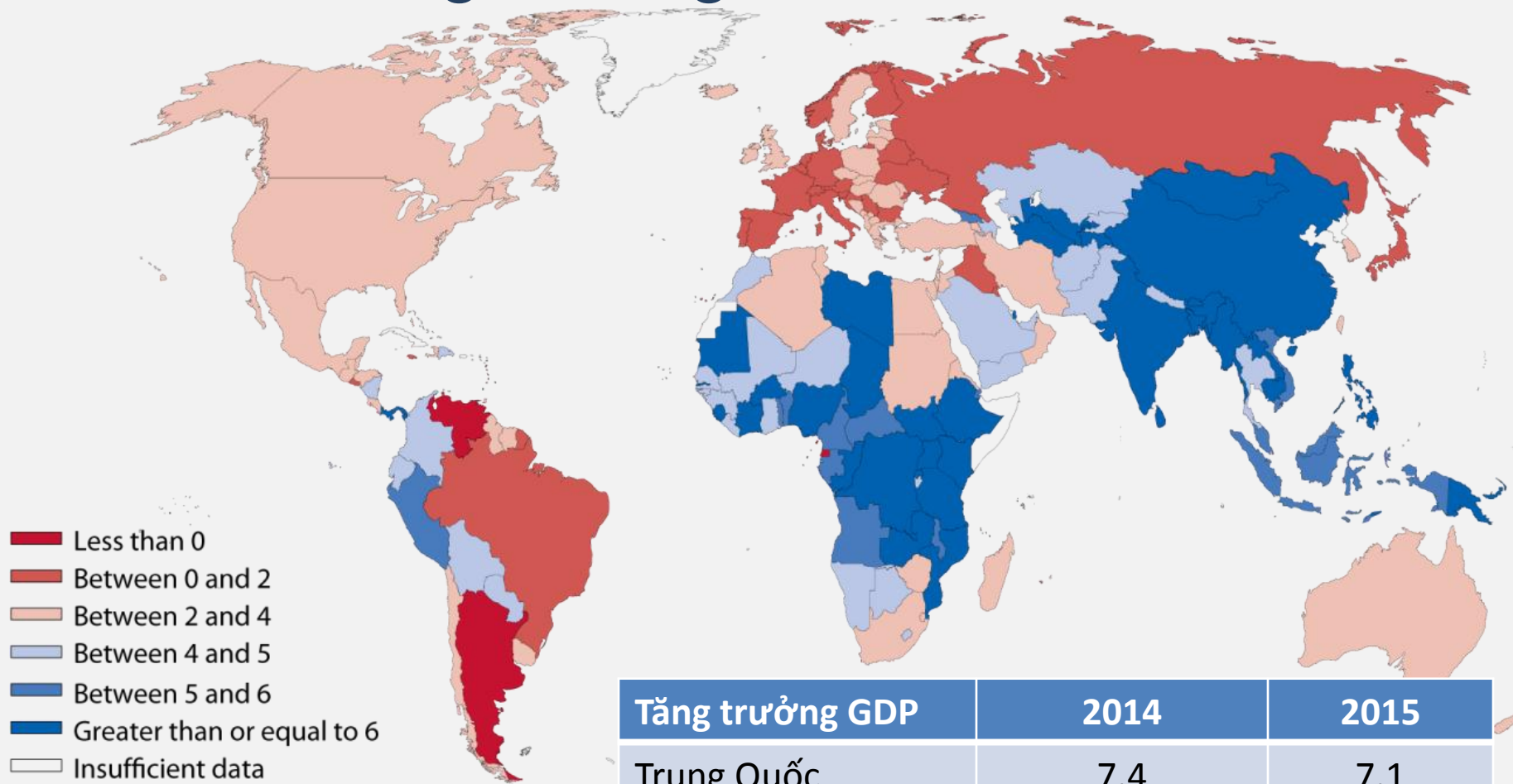
Nguyễn Xuân Thành

FETP

15 tháng 12 năm 2014



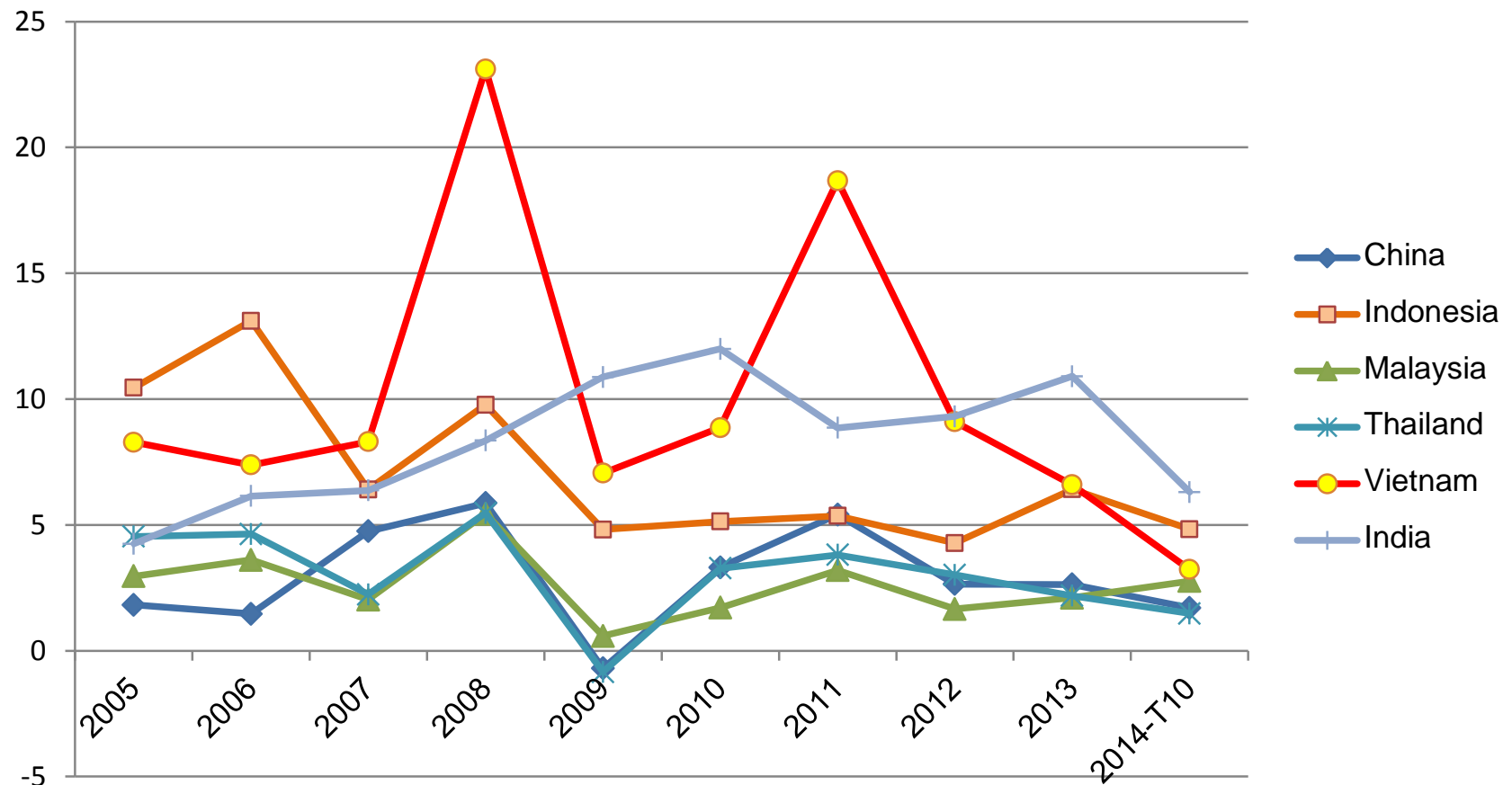
# Dự báo tăng trưởng kinh tế 2015



| Tăng trưởng GDP | 2014 | 2015 |
|-----------------|------|------|
| Trung Quốc      | 7.4  | 7.1  |
| Ấn Độ           | 5.6  | 6.4  |
| Indônêxia       | 5.2  | 5.5  |
| Thái Lan        | 1.1  | 4.6  |
| Việt Nam        | 5.5  | 5.6  |

Nguồn: IMF, World Economic Outlook, Oct 2014.

# Lạm phát: Việt Nam so với các nước trong khu vực



Nguồn: CSCL World Development Indicators của NHTG cho 2005-2013; số liệu các cơ quan thống kê quốc gia cho T10-2014.

# Động lực tăng trưởng ngắn hạn VN trong năm 2014

## Tăng trưởng GDP hàng quý

|         | 2013 |      |      |      | 2014 |      |      |
|---------|------|------|------|------|------|------|------|
|         | Q1   | Q2   | Q3   | Q4   | Q1   | Q2   | Q3   |
| Cả nước | 4.76 | 5.00 | 5.54 | 6.04 | 5.09 | 5.42 | 6.19 |

*Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.*

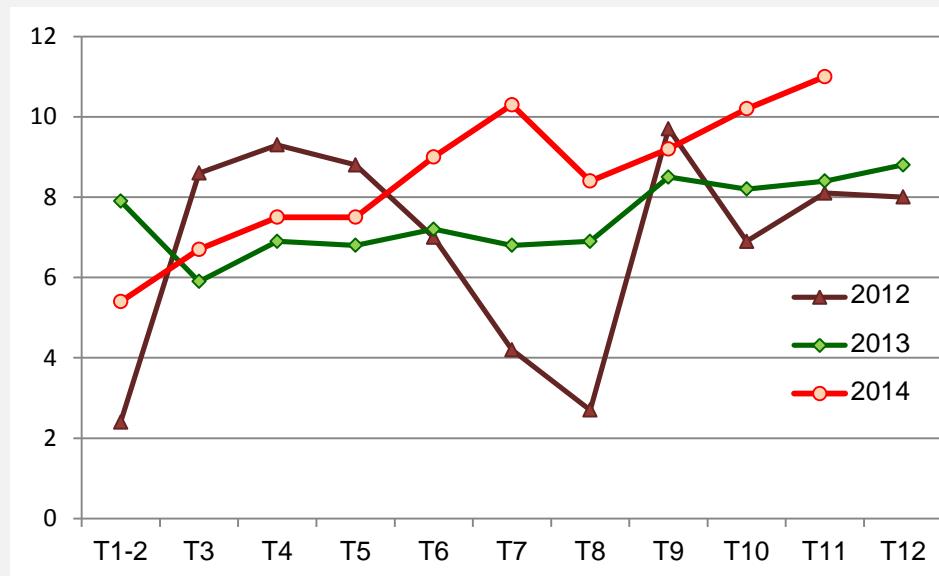
- **Phía cung:**
  - Tăng trưởng công nghiệp chế biến – chế tạo phục hồi
  - Duy trì khai thác dầu thô mặc dù giá giảm
- **Phía cầu:**
  - Xuất khẩu – Nhập khẩu
  - Khởi động lại các dự án đầu tư công tài trợ bằng vốn tín dụng nhà nước và vay của khu vực nhà nước

# Tăng trưởng công nghiệp chế biến – chế tạo

| Tăng trưởng GTGT công nghiệp CB-CT, 9 tháng đầu năm |      |      |
|---|------|------|
| 2012  | 2013 | 2014 |
| 5,76  | 5,20 | 6,42 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

## Tăng trưởng sản xuất công nghiệp (IIP) hàng tháng (so cùng kỳ)

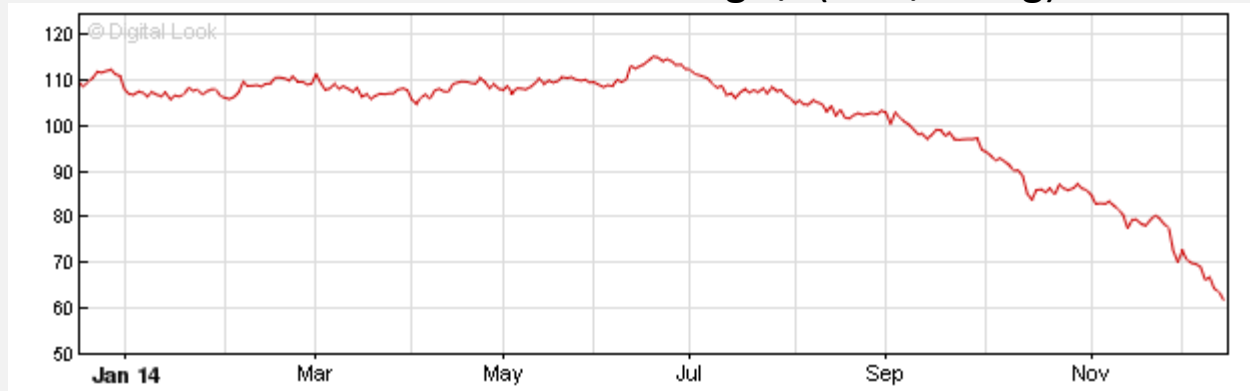


Nguồn: Tổng cục Thống kê VN.

# Khai thác và xuất khẩu dầu thô

- Tăng trưởng xuất khẩu dầu thô 11T/2014:
  - Lượng: 9,4% (2013: -9,1%)
  - Giá trị: 3,2% (2013: - 11,9%)

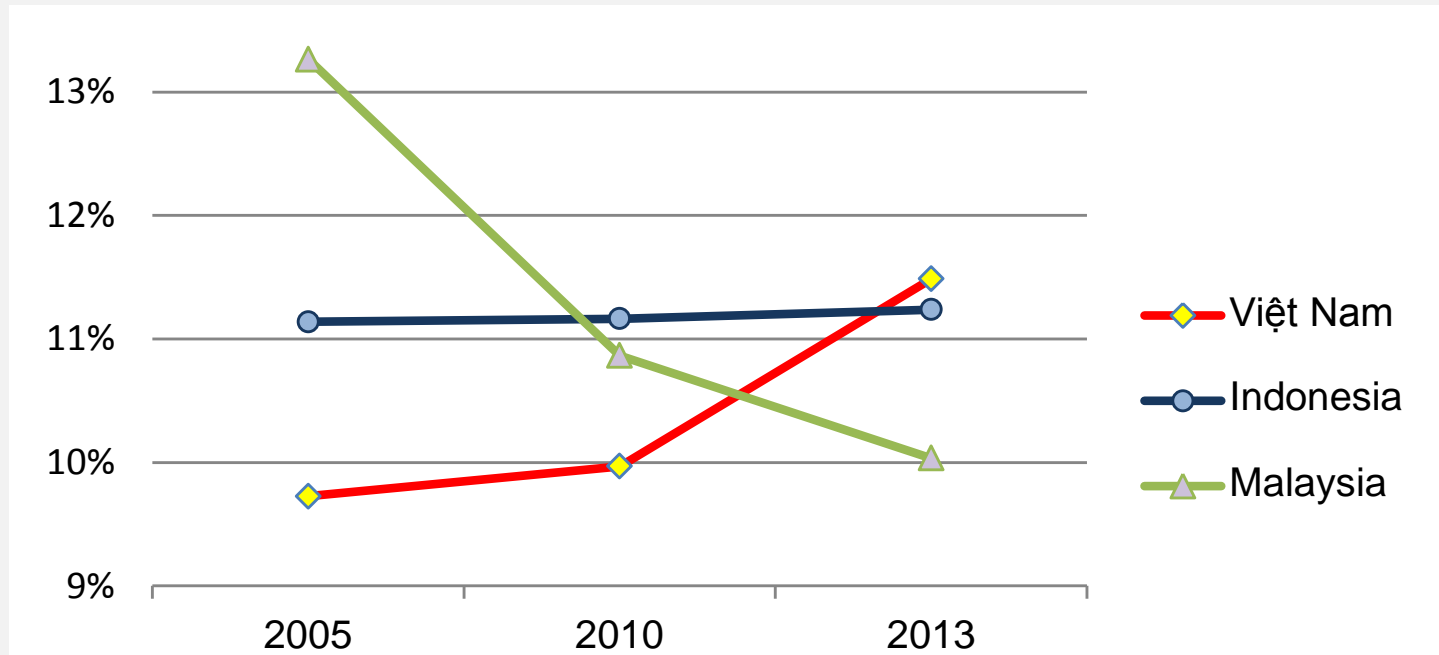
Giá dầu thô Brent tương lai (USD/thùng)



Nguồn: BBC News.

# Ba nền kinh tế mới nổi ở Đông Nam Á vẫn dựa vào khai thác tài nguyên

Tỷ trọng ngành khai thác khoáng sản trong GDP

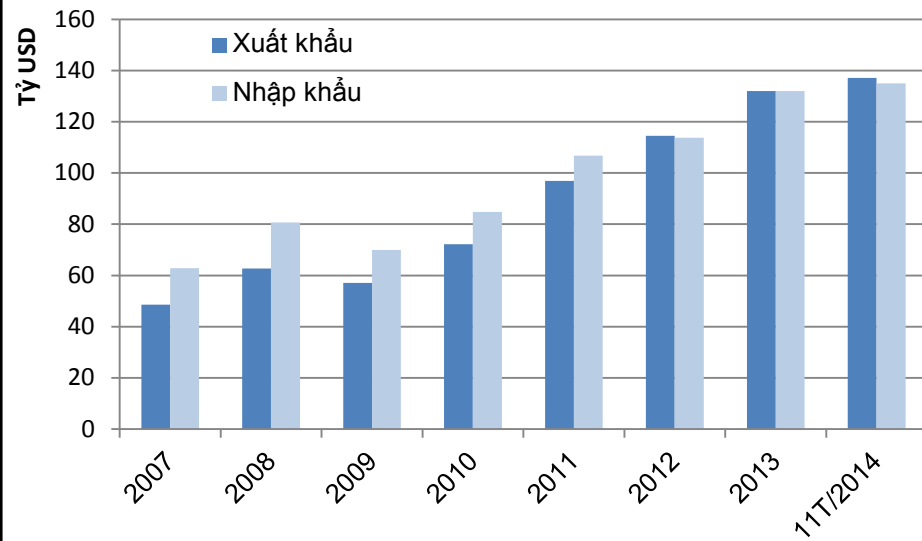


Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu chính thức của các cơ quan thống kê quốc gia.

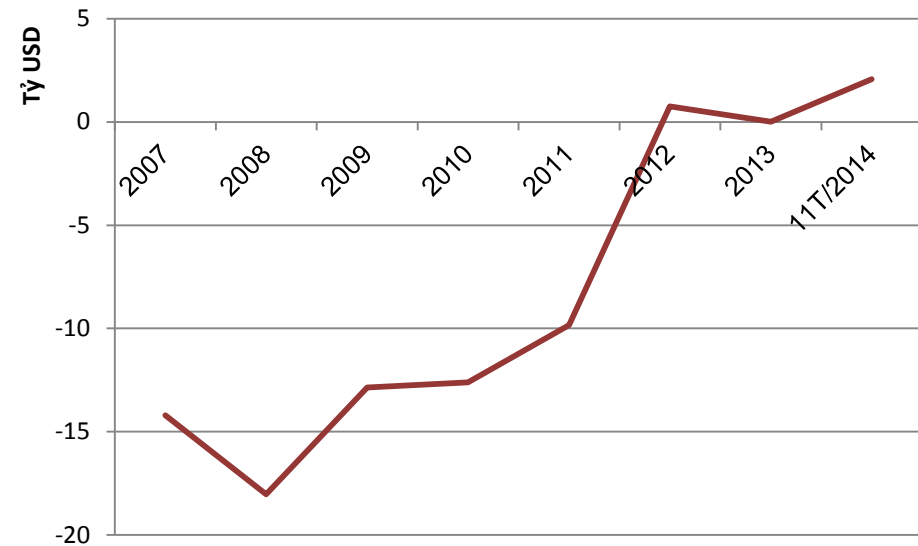
- Việt Nam trong những năm qua đã tăng sự lệ thuộc vào khai thác tài nguyên và vượt qua 2 nền kinh tế Indonesia & Malaysia xét về tỷ trọng ngành khai khoáng trong GDP.
- Trung Quốc (2010): 5,2%; Thái Lan (2011): 2,2%; Philippines (2011): 1,5%

# Cán cân thương mại: từ thâm hụt sang thặng dư

## Kim ngạch xuất nhập khẩu



## Cán cân thương mại

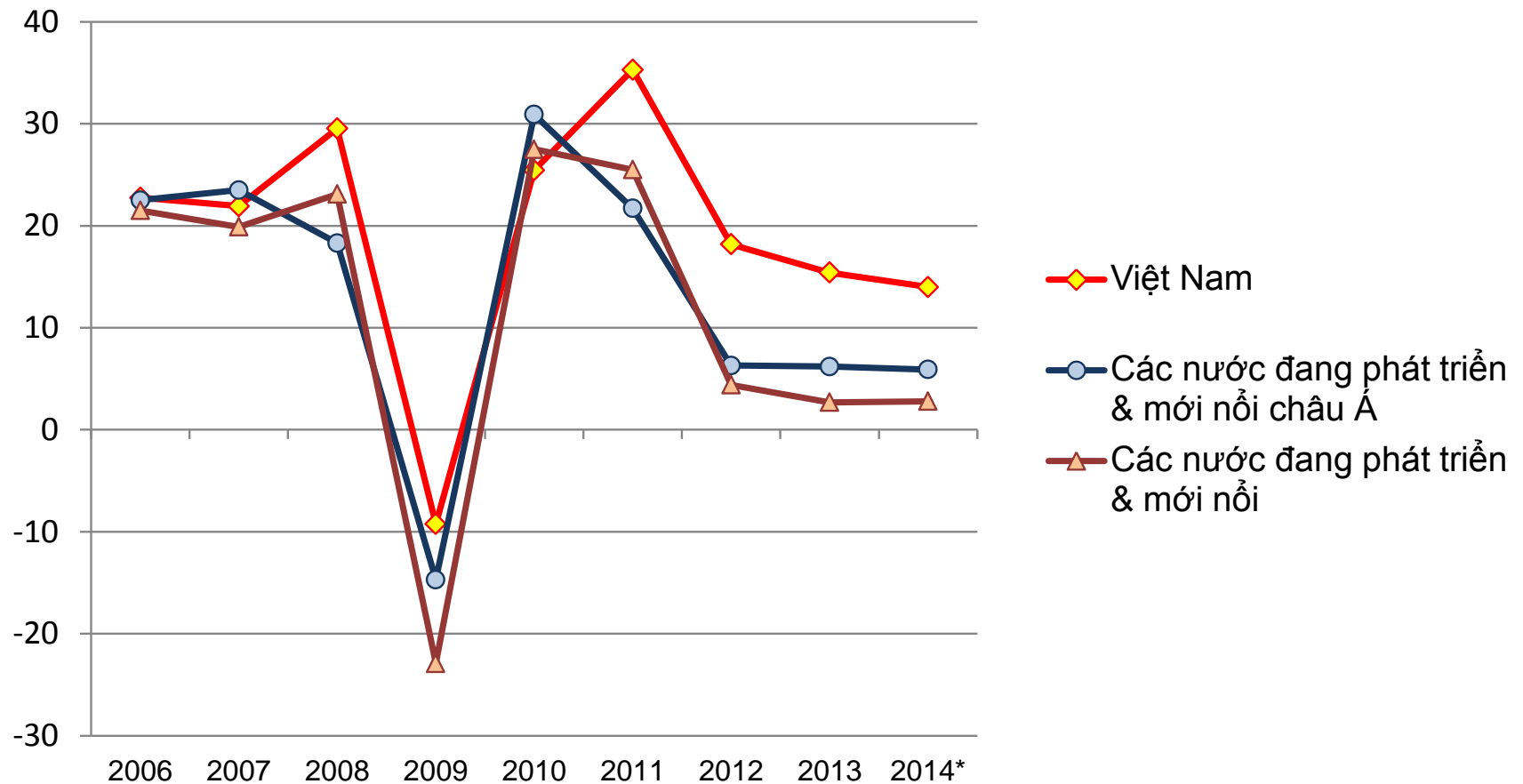


Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan.



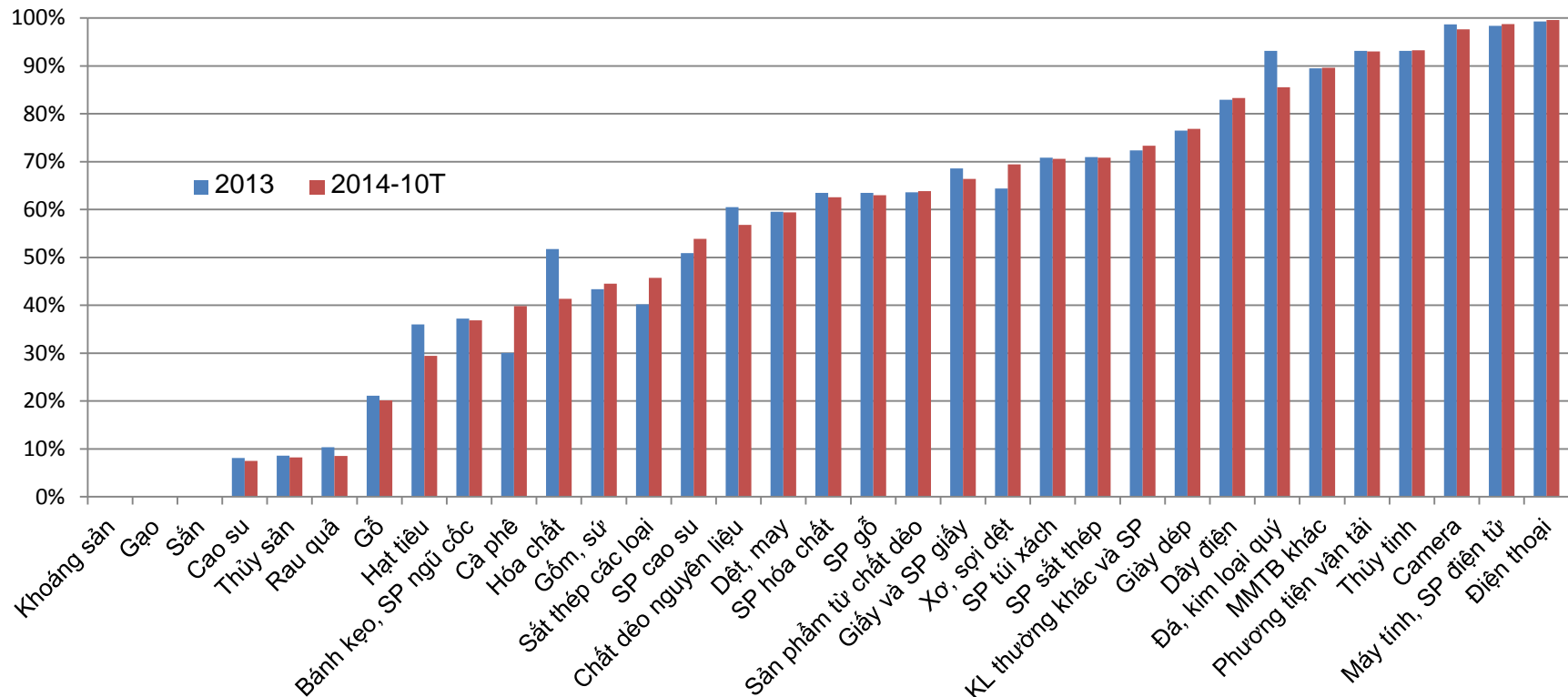
# Tăng trưởng xuất khẩu

Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam cao hơn hẳn so với b/q khu vực châu Á và các nước đang phát triển trong những năm qua



Nguồn: Tổng cục Thống kê VN đối với Việt Nam và IMF đối với các khu vực.

# Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng KNXX chia theo sản phẩm

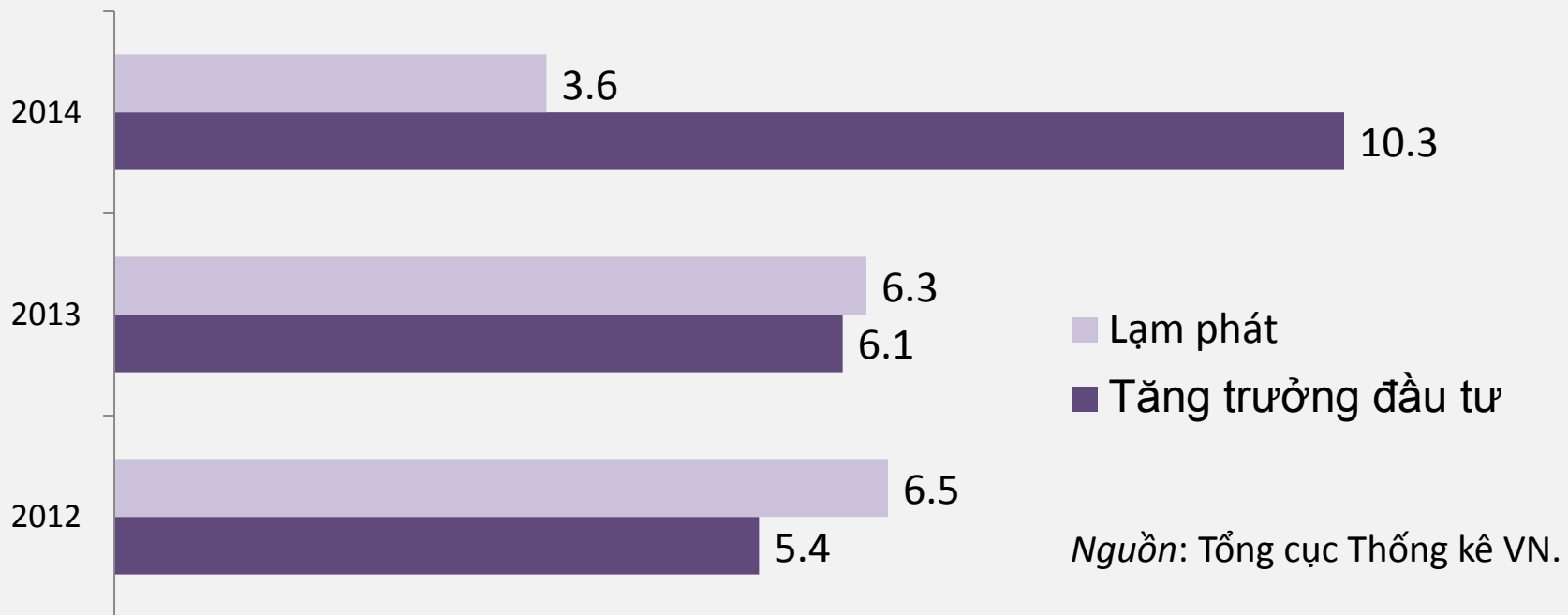


Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan VN.

- Xuất khẩu của các DN FDI chiếm 62% tổng KNXX cả nước.
- DN nội địa chiếm 100% KNXX gạo, sắn và khoáng sản.
- DN FDI chiếm 100% KNXX sản phẩm điện tử.
- Không tính nông sản và khoáng sản, DN FDI chiếm 76,9% KNXX.

# Đầu tư

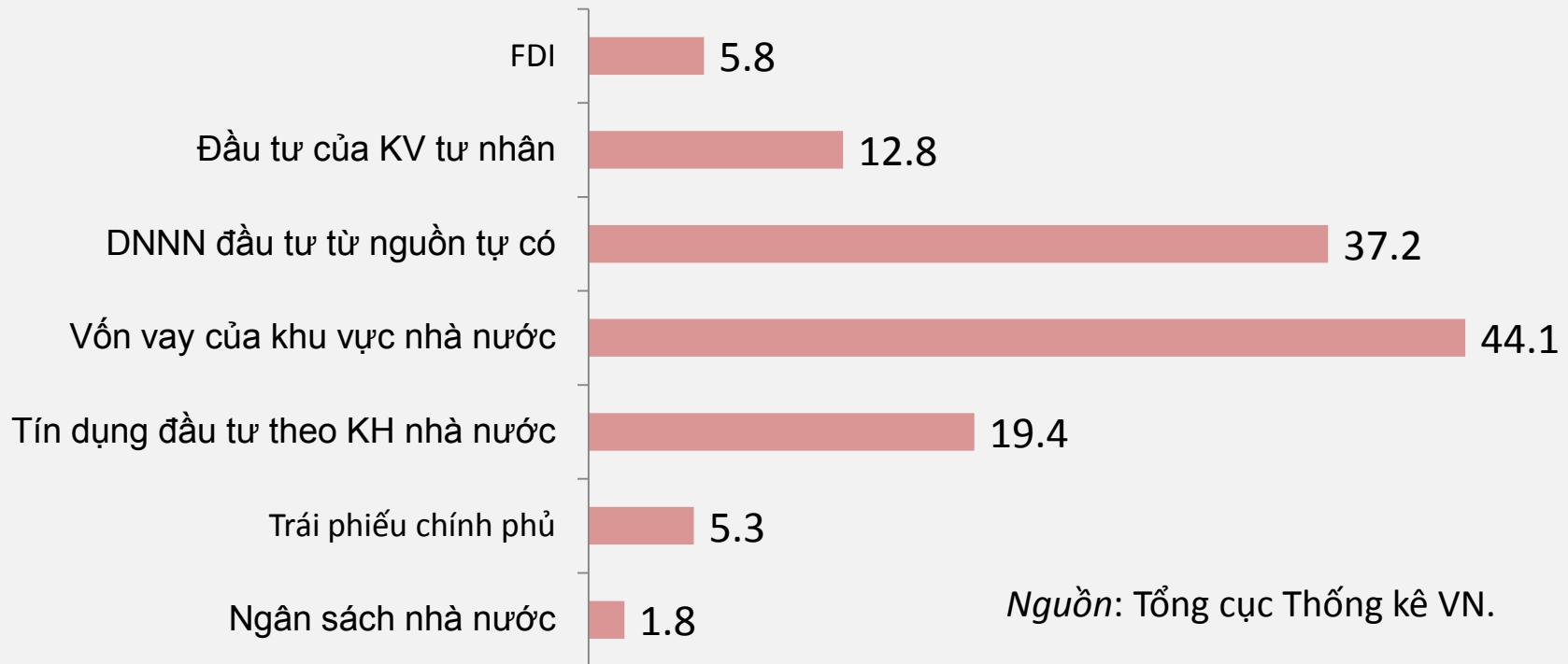
## Tăng trưởng đầu tư theo giá danh nghĩa và lạm phát, 9T/2014



Đầu tư trên GDP trong 9T/2014 bằng 31,2% GDP (tăng trở lại từ 30,4% năm 2013, sau khi giảm liên tục từ mức 39,2% năm 2009).

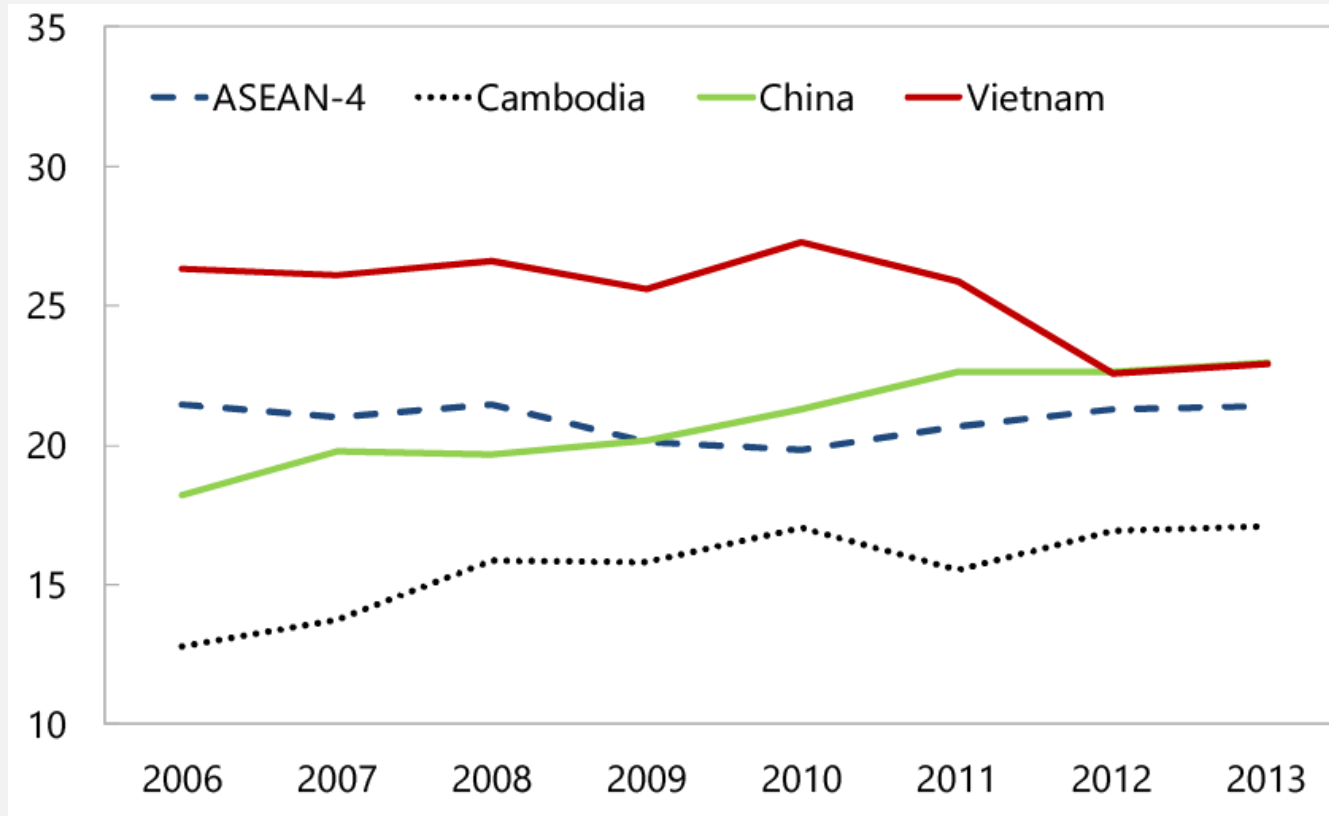
# Đầu tư theo nguồn vốn

## Tăng trưởng đầu tư theo giá danh nghĩa, 9T/2014



Đầu tư của khu vực nhà nước tăng mạnh trở lại từ nguồn tín dụng nhà nước và vay của nhà nước.

# Tổng thu ngân sách nhà nước/GDP



*Ghi chú:* ASEAN-4 gồm Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan.

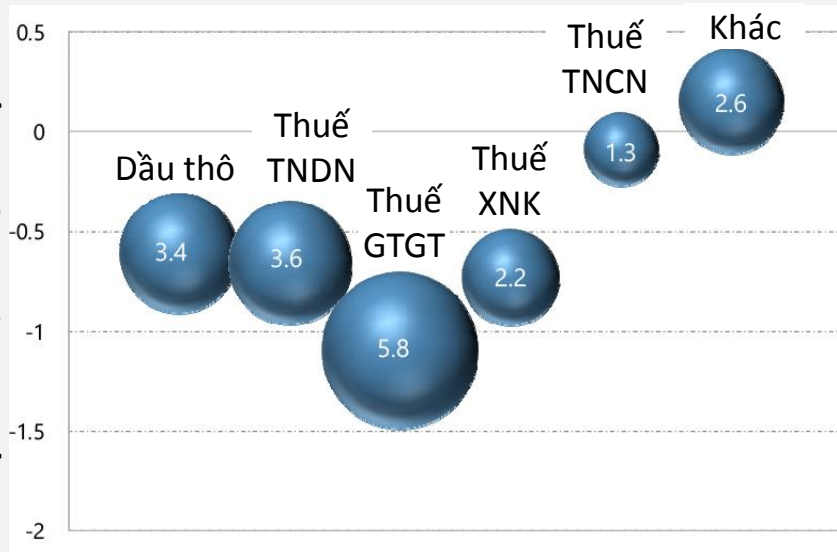
*Nguồn:* IMF, Việt Nam 2014 Article IV Consultation, T10/2014.

Tổng thu ngân sách của VN giảm so với GDP, nhưng về mức tương đương với Trung Quốc và ASEAN.

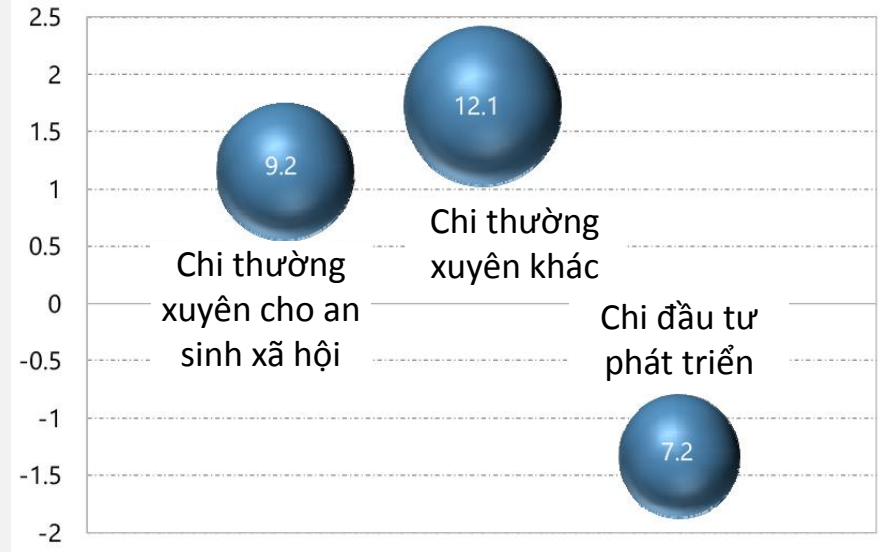
# Sức ép ngân sách: 2013 so với 2011

Thay đổi tỷ trọng so với GDP  
(điểm %, 2013/2011)

## Thu ngân sách



## Chi ngân sách

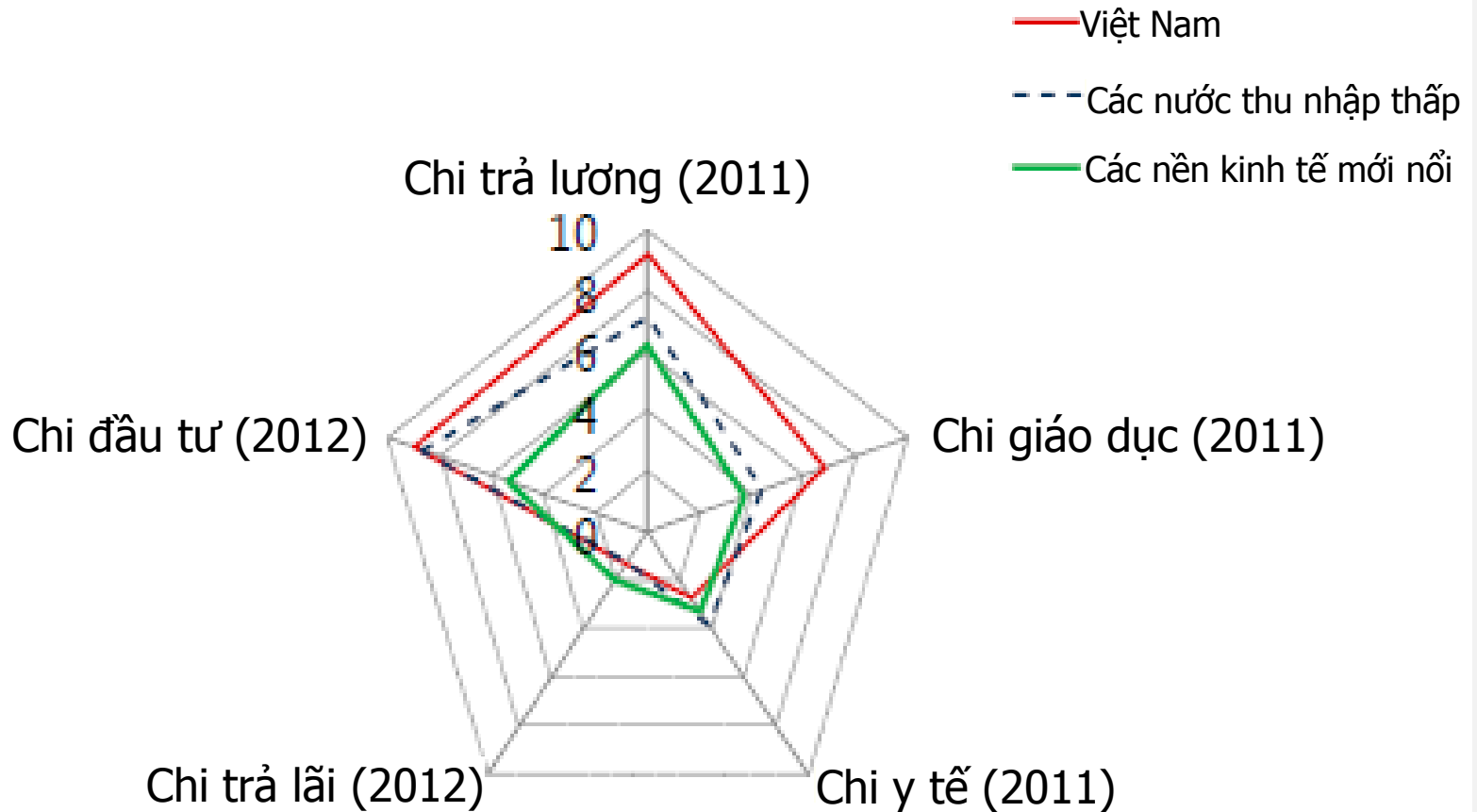


*Ghi chú:* Diện tích hình tròn giá trị của từng hạng mục thu, chi NS so với GDP năm 2013.

*Nguồn:* IMF, Việt Nam 2014 Article IV Consultation, T10/2014.

- Thu thuế GTGT, TNDN, XNK và dầu thô đều giảm về tỷ trọng so với GDP.
- Chi thường xuyên tăng, trong khi chi đầu tư giảm về tỷ trọng (nhưng đầu tư tài trợ bằng TPCP tăng mạnh).

# Tỷ lệ chi ngân sách/GDP

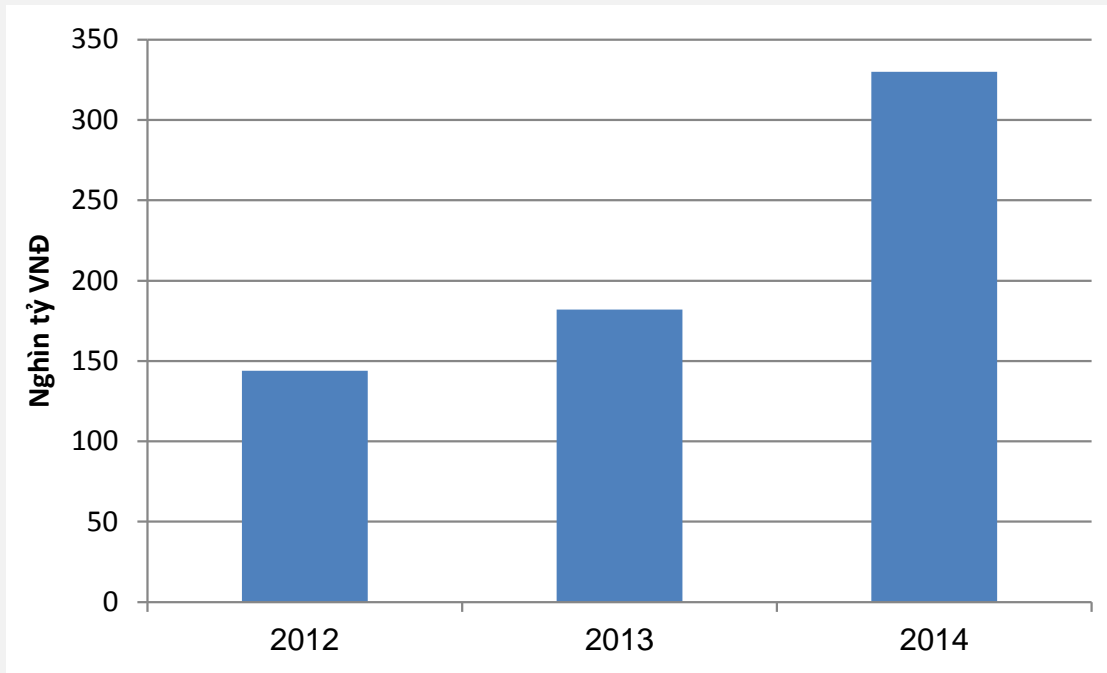


Nguồn: IMF, Việt Nam 2014 Article IV Consultation, T10/2014.

- Chi NS cho trả lương và cho giáo dục tương đối so với quy kinh tế cao hơn hẳn so với mức b/q của các nền kinh tế mới nổi cũng như các nước đang phát triển.

# Trái phiếu chính phủ

---

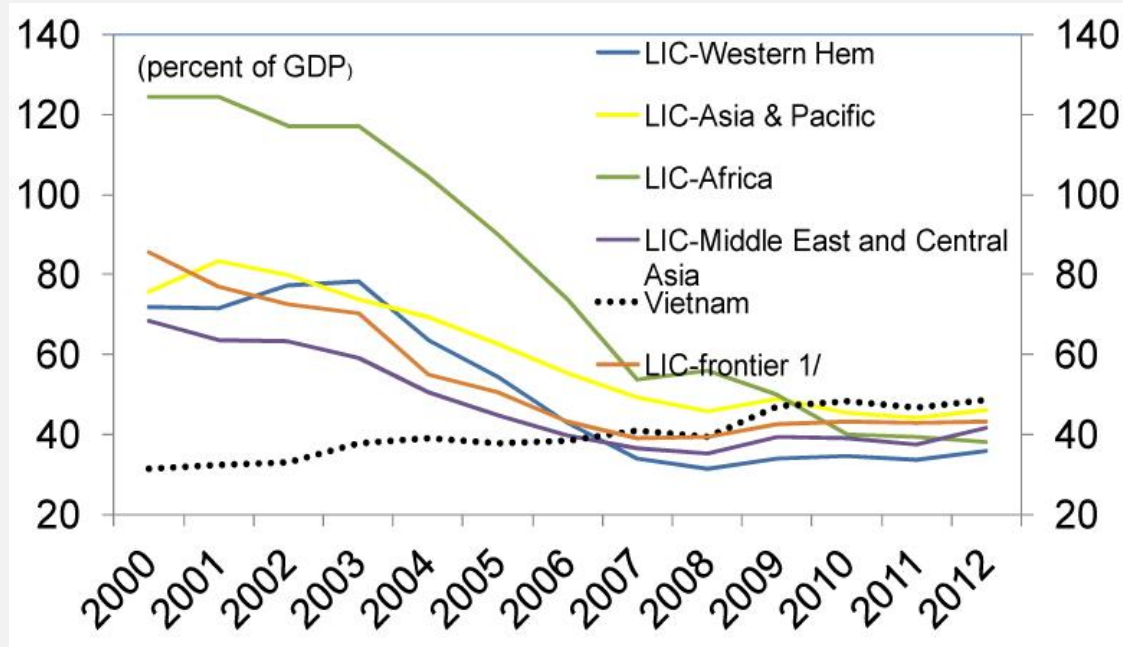


*Nguồn: Giải trình về nợ công của Thủ tướng Chính phủ tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XIII, 18/11/2014*

- Phát hành trái phiếu để đảo nợ:
  - 2013: 40 nghìn tỷ VNĐ
  - 2014: 77 nghìn tỷ VNĐ



# Nợ công

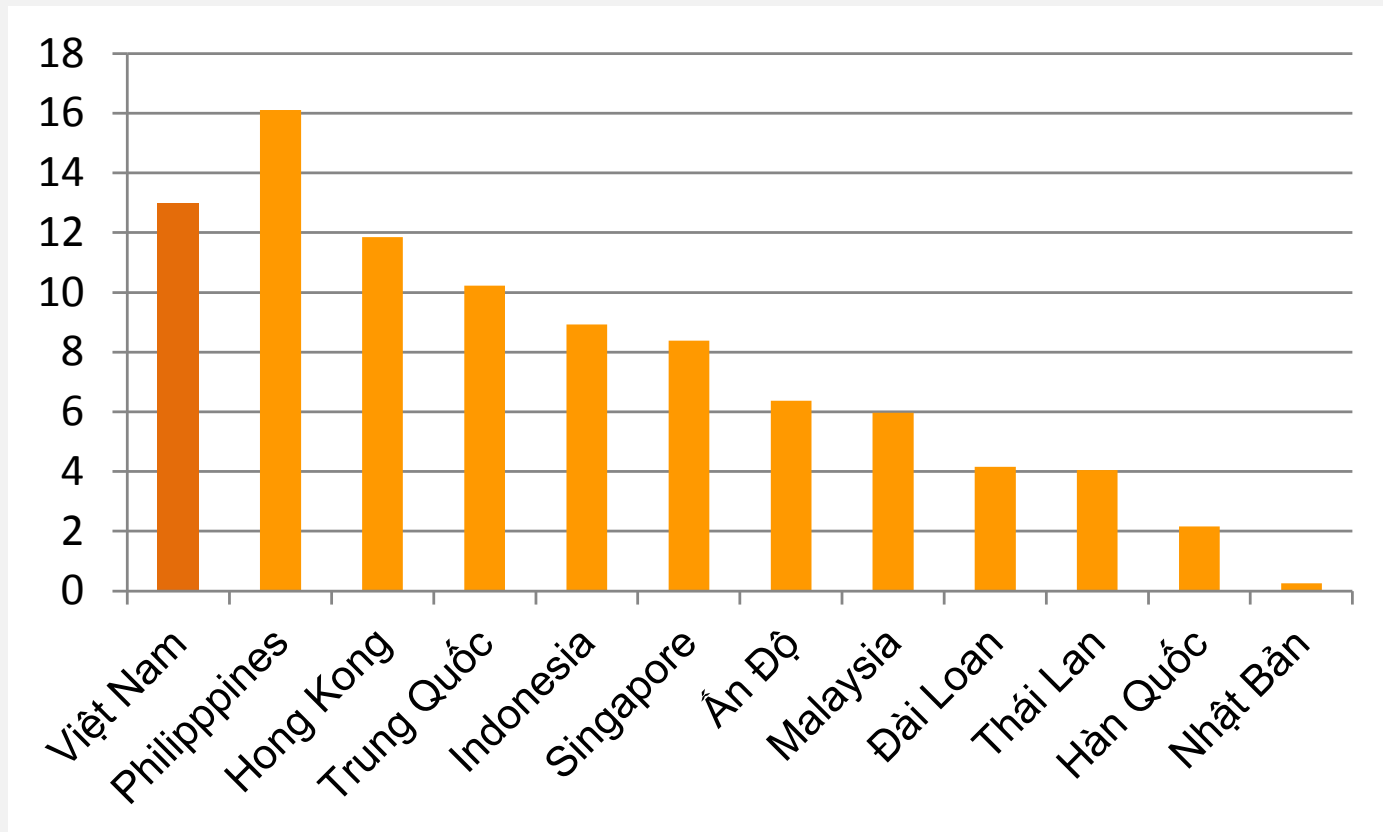


Nguồn: IMF, Việt Nam 2014 Article IV Consultation, T10/2014.

- Số liệu của Bộ Tài chính:
  - 2010: 51,7% GDP; 2014: 60,3%; 2015: 64,0%
- Đánh giá của IMF về nợ công của VN:
  - Nợ công: 51,6% GDP (2013) và 55% (2014) – Vượt ngưỡng an toàn, nhưng dưới ngưỡng căng thẳng
  - Ngưỡng an toàn: 40-45% GDP
  - Ngưỡng căng thẳng: 65-70% GDP

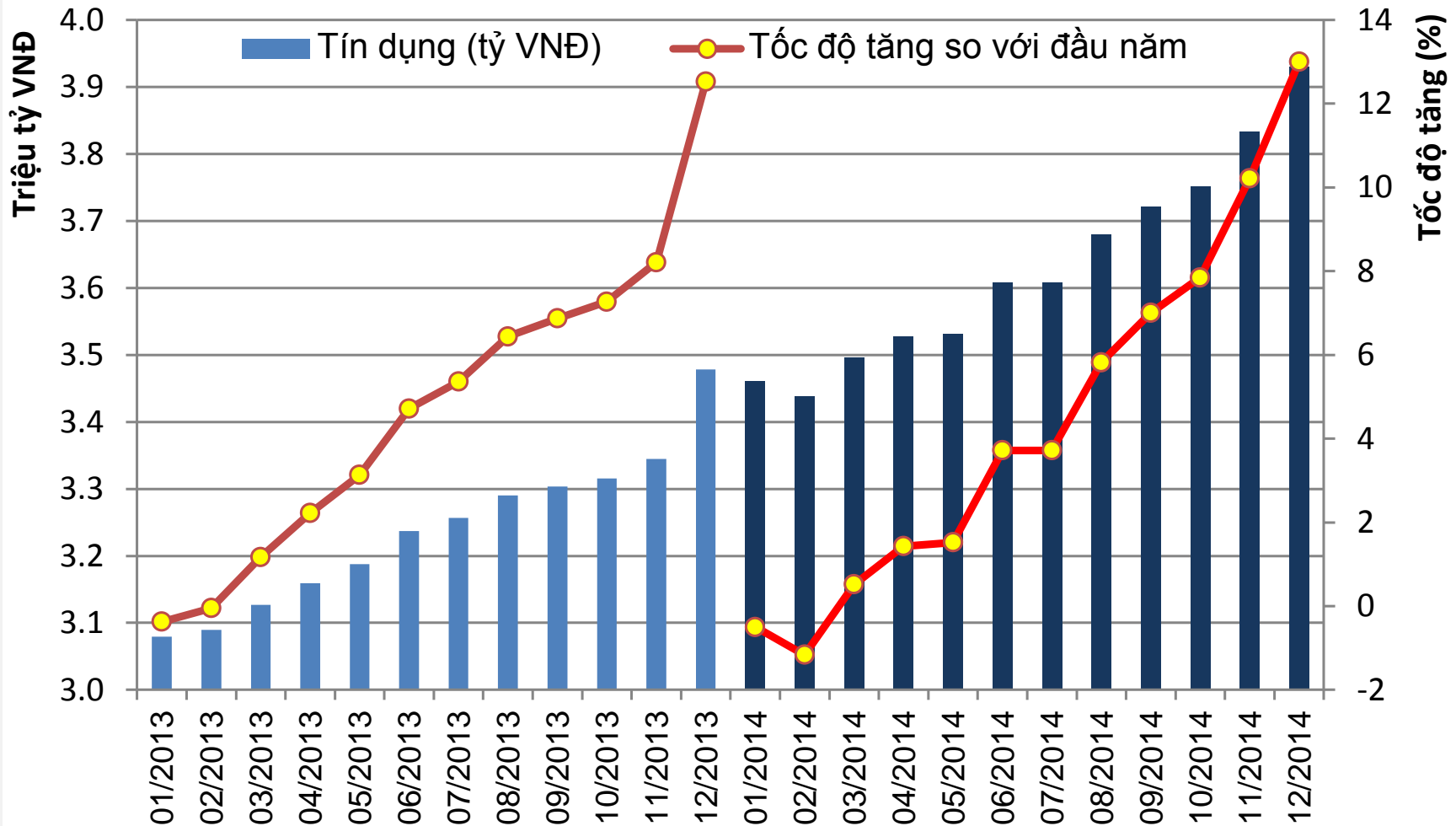
# Tăng trưởng tín dụng: Việt Nam và các nước trong khu vực châu Á năm 2014

Tăng trưởng tín dụng của Việt Nam theo số liệu chính thức không hề thấp so với các nền kinh tế trong khu vực



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN (NHNN) đối với Việt Nam và IMF đối với các nền kinh tế khác.

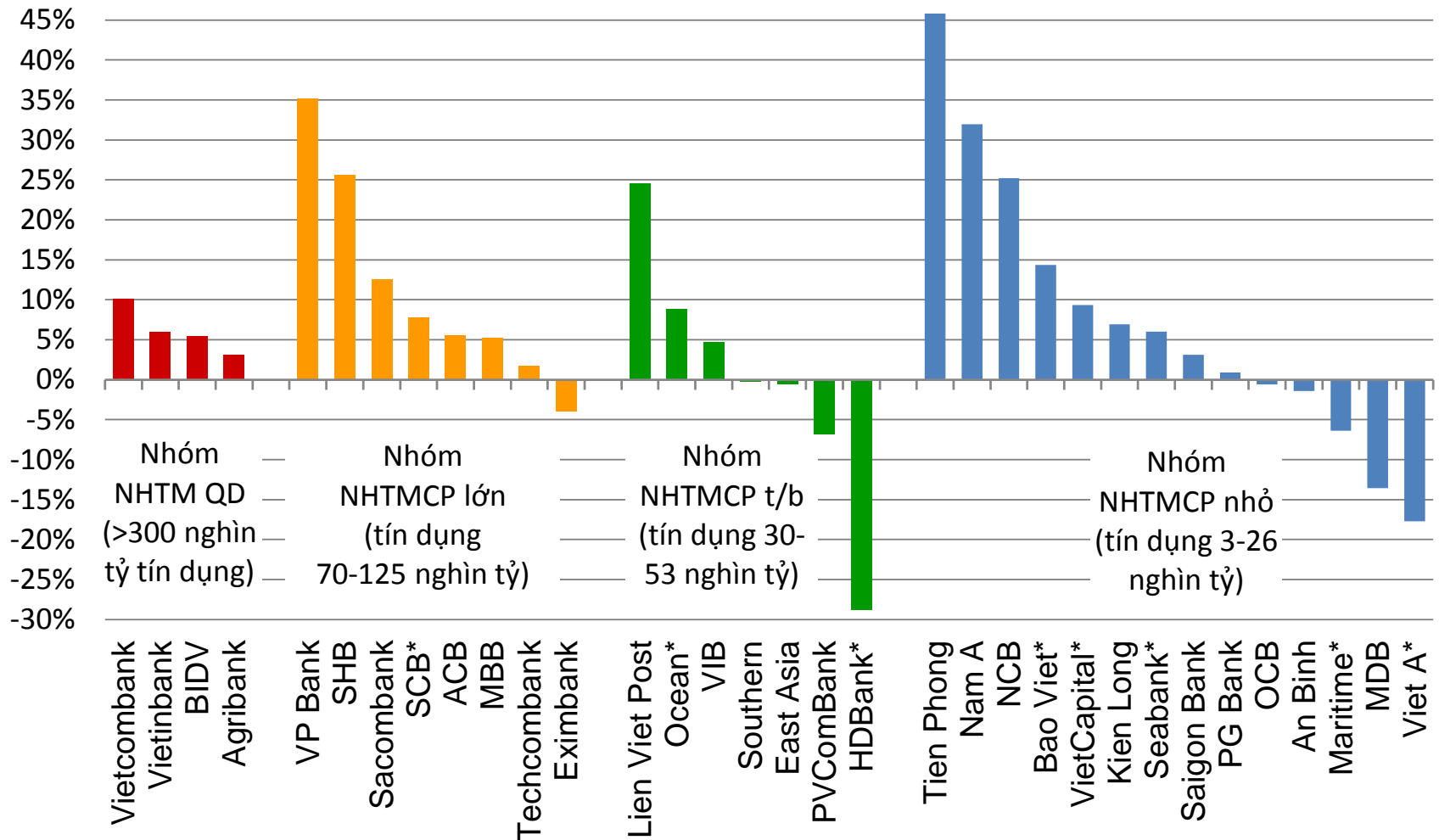
# Tín dụng: theo số liệu chính thức thì không hề tăng chậm



Ghi chú: Số T12/2014 là dự báo của NHNN

Nguồn: Số liệu công bố chính thức của NHNN.

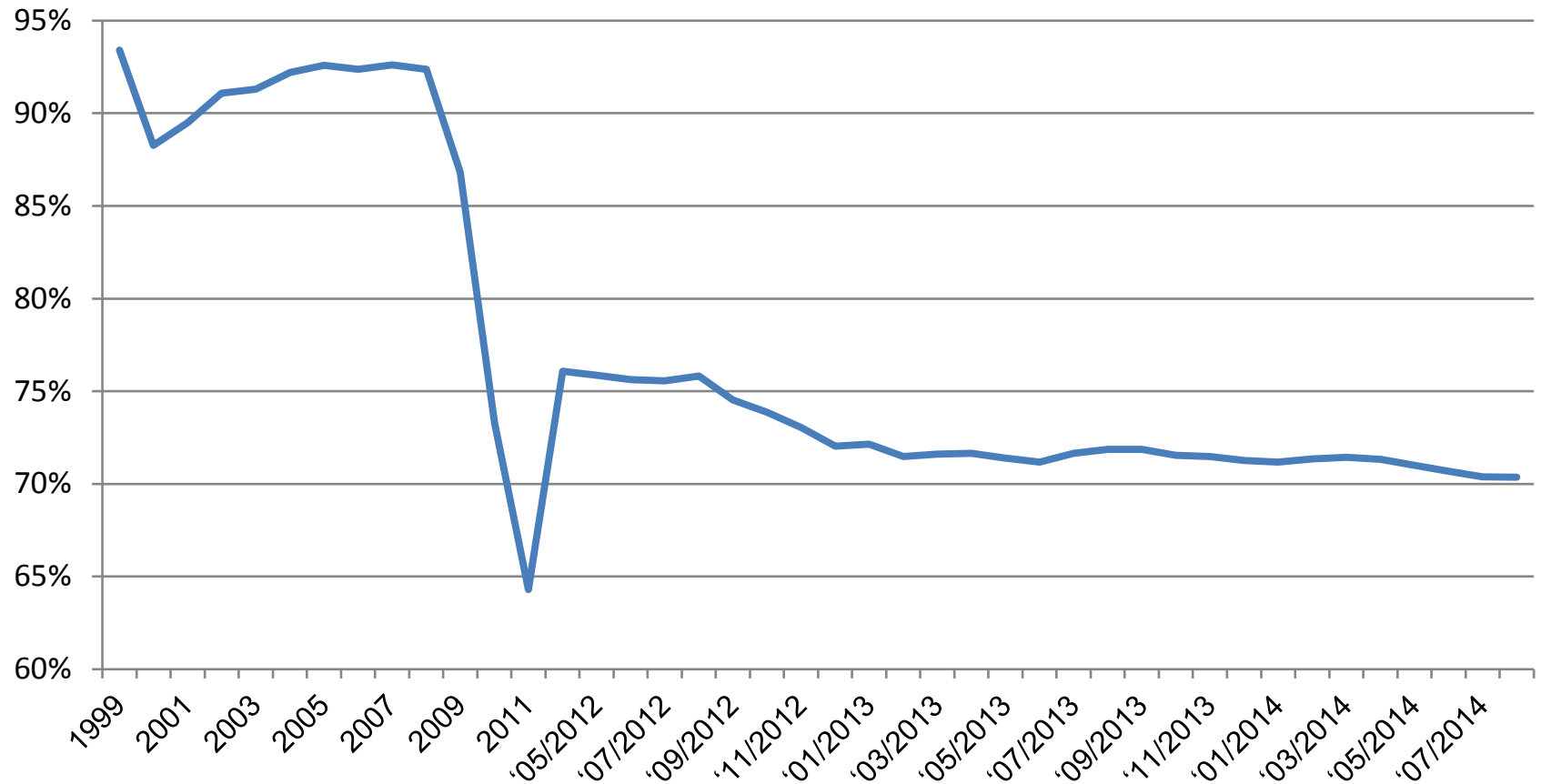
# Tốc độ tăng tín dụng 9T/2014 (1/1 - 30/9)



Ghi chú: \* Tốc độ tăng 6 tháng 2014 (1/1-30/6)

Nguồn: Nguyễn Xuân Thành (2014) tính toán từ báo cáo tài chính quý 3 và quý 2 năm 2014 của các ngân hàng.

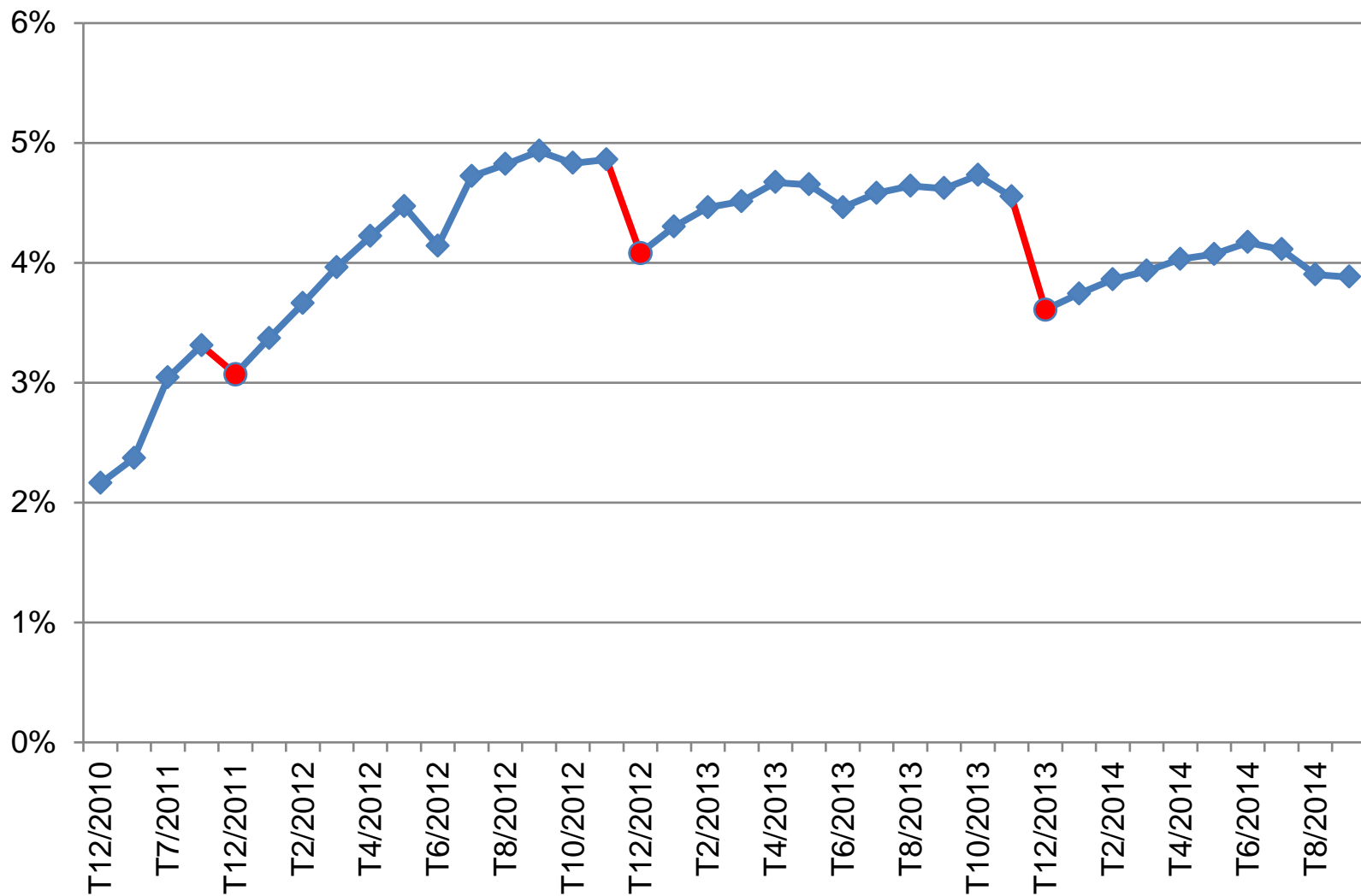
# Tỷ trọng dư nợ tín dụng cho các ngành kinh tế trực tiếp SX-KD



**Ghi chú:** Tín dụng trực tiếp cho SXKD bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại, vận tải và viễn thông (không bao gồm bất động sản, tiêu dùng cá nhân và dịch vụ xã hội).

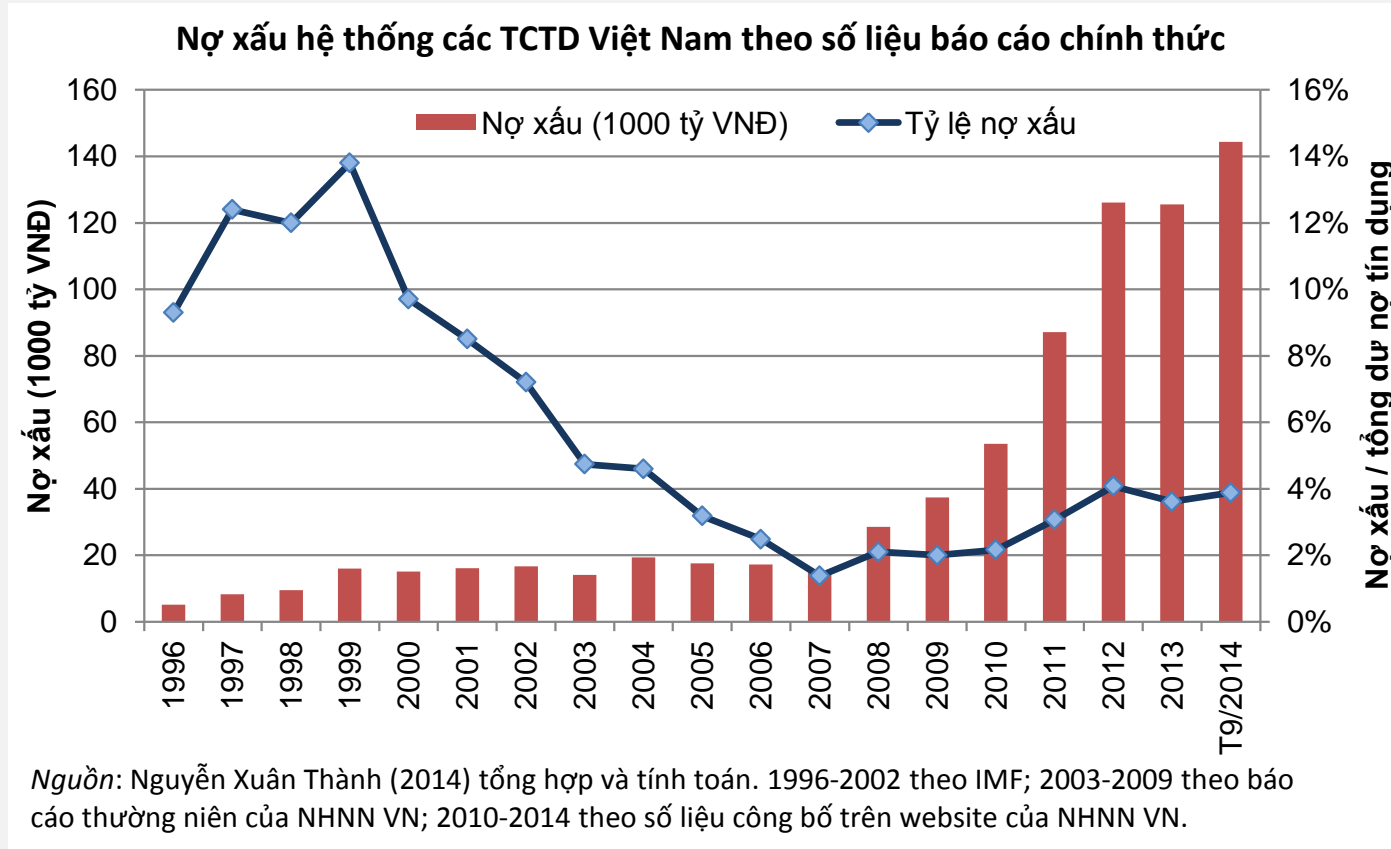
**Nguồn:** Số liệu công bố chính thức của Ngân hàng Nhà nước VN.

# Tỷ lệ nợ xấu bình quân chính thức của các TCTD



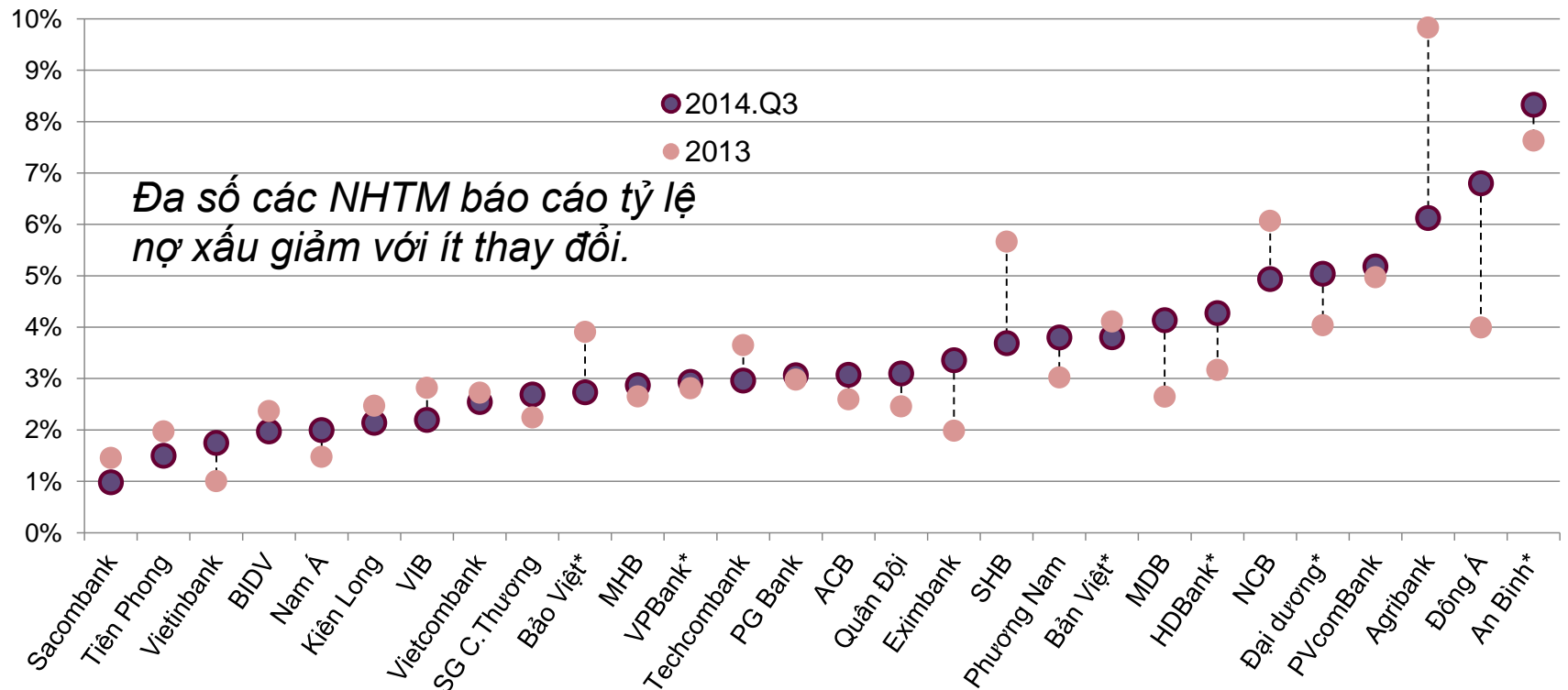
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN

# Nợ xấu trong dài hạn



- Theo số liệu chính thức, thì tỷ lệ nợ xấu bây giờ thấp hơn nhiều so với những năm 1996-2002.
- Tuy nhiên quy mô của hệ thống ngân hàng đã lớn hơn rất nhiều, nên giá trị tuyệt đối của nợ xấu tăng cao.

# Nợ xấu của các NHTM: Quý 3, 2014



Ghi chú: Số liệu quý 2, 2014. Nguồn: Nguyễn Xuân Thành (2014) tính toán từ báo cáo tài chính quý 3 và quý 2 năm 2014 của các ngân hàng.

Những ngân hàng không công bố thông tin:

- GPBank, VNCB, SCB
- Bưu điện Liên Việt, Hàng hải, Phương Đông, Bắc Á, Việt Á
- Đông Nam Á, VN Thương Tín